

**BIÊN BẢN**

**Về việc họp công khai cấp bổ sung dự toán năm 2023**

**I. Thời gian:** 14h00 ngày 30 tháng 12 năm 2023

**II. Địa điểm:** phòng hội trường trường THCS Quốc Tuấn

**III. Thành phần:**

- Toàn thể CBCNV nhà trường
- Chủ tọa Bà Bùi Thị Minh Nguyệt – Hiệu trưởng nhà trường
- Thư ký: Bà Vũ Phương Hà – NV văn thư

**IV. Nội dung:**

- Đồng chí Hiệu trưởng thông qua các Quyết định của UBND huyện An Lão về việc cấp kinh phí bổ sung năm 2023 để các đồng chí cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nắm được. Cụ thể như sau:

+ Quyết định số 4928/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện An Lão Quyết định về việc cấp bù học phí cho các trường liên cấp, THCS, Mầm non công lập TT GDNN-GDTX trên địa bàn huyện có các đối tượng được miễn, giảm học phí theo Nghị định số 81/NĐ-CP của Chính Phủ (Học kỳ II năm học 2022-2023)

+ Quyết định số 4947/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện An Lão Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính Phủ.

+ Quyết định số 4949/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện An Lão Quyết định về việc cấp bù học phí cho các trường liên cấp, THCS, Mầm non công lập TT GDNN-GDTX trên địa bàn huyện có các đối tượng được miễn, giảm học phí theo Nghị định số 81/NĐ-CP của Chính Phủ (Học kỳ I năm học 2023-2024).

+ Quyết định số 4954/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện An Lão Quyết định về việc hỗ trợ học phí cho học sinh các bậc Mầm non, THCS, trường liên cấp, Trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn huyện theo Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND thành phố Đợt 2 năm 2023 (Từ tháng 9-tháng 12/2023).

+ Quyết định số 5179/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện An Lão Quyết định về việc cấp kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố.

Nội dung công khai:

- Công khai các dự toán được cấp bổ sung theo Quyết định của UBND huyện trong nhóm zalo công việc của nhà trường, công khai trên cổng thông tin điện tử và công khai theo mẫu 02 Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính.



Sau đó dán niêm yết tại bảng công khai của nhà trường 30 ngày (từ ngày 30/12/2023 đến ngày 30/01/2024).

- Ban chấp hành Công đoàn, Ban Thanh tra nhân dân tập hợp ý kiến của cán bộ giáo viên, công nhân viên trong nhà trường.

- Ban Giám hiệu, bộ phận kế toán có trách nhiệm tiếp thu và giải trình các ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường

Biên bản này lập xong, đã đọc cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và 100% các thành viên dự họp nhất trí./.



**HIỆU TRƯỞNG**

**Bùi Thị Minh Nguyệt**

**Thư ký**

**Vũ Phương Hà**

**Trưởng ban TTND**

**Phạm Văn Tứ**

**Chủ tịch Công Đoàn**



**Nguyễn Đăng Toàn**

**Kế toán**

**Giang Thị Bình**



**THÔNG BÁO**  
**CÔNG KHAI BỎ SUNG DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023**

ĐVT: đồng

| STT        | Nội dung                                                                          | Dự toán được giao  | Ghi chú (nguồn nào) |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|
| <b>A</b>   | <b>Dự toán thu</b>                                                                |                    |                     |
| <b>I</b>   | <b>Tổng thu</b>                                                                   |                    |                     |
| 1          | Thu học phí                                                                       |                    |                     |
| 2          | Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ                                                |                    |                     |
| 3          | Thu viện trợ                                                                      |                    |                     |
| 4          | Thu sự nghiệp khác                                                                |                    |                     |
| <b>II</b>  | <b>Số thu nộp NSNN</b>                                                            |                    |                     |
| 1          | Phí, lệ phí                                                                       |                    |                     |
| 2          | Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ                                                |                    |                     |
| 3          | Thu sự nghiệp khác                                                                |                    |                     |
| <b>III</b> | <b>Số được để lại chi theo chế độ</b>                                             |                    |                     |
| 1          | Thu phí, lệ phí                                                                   |                    |                     |
| 2          | Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ                                                |                    |                     |
| 3          | Chi khác                                                                          |                    |                     |
| 4          | Hoạt động sự nghiệp khác                                                          |                    |                     |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                             | <b>791 265 292</b> |                     |
| <b>I</b>   | <b>Loại..., khoản...</b>                                                          |                    |                     |
| 1          | Chi tăng lương cơ sở                                                              | 60 000             |                     |
| 2          | Cấp bù học phí kì 2 năm học 2022-2023                                             | 2 790 000          |                     |
| 3          | Cấp bù học phí kì 1 năm học 2023-2024                                             | 2 728 000          |                     |
| 4          | Hỗ trợ học từ tháng 9/2023-12/2023                                                | 185 380 000        |                     |
| 5          | Kinh phí thu nhập bình quân tăng thêm theo NQ 05/2022/NQ-HĐND, NQ 01/2023/NQ-HĐND | 600 307 292        |                     |
|            |                                                                                   |                    |                     |

Ngày 30 tháng 12 năm 2023

Thị trưởng đơn vị



Bùi Thị Minh Nguyệt



# DANH SÁCH HỌC SINH

Được hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019

của Hội đồng nhân dân thành phố

( Kèm theo Quyết định số: 4954/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện An Lão )

| TT | Họ tên học sinh        | Trường THCS    | Mức hỗ trợ | Số tháng đề nghị hỗ trợ | Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2023 - 2024 (từ tháng 09 đến T12/2023) | Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ86/NĐ-CP | Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2023 - 2024 | Kí xác nhận |
|----|------------------------|----------------|------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------|
| 1  | Nguyễn Nhật Minh Anh   | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 2  | Phạm Nguyễn Mai Anh    | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 3  | Phạm Tú Anh            | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 4  | Vũ Phương Anh          | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 5  | Đỗ Ngọc Ánh            | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 6  | Phạm Ngọc Hoàng Bách   | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 7  | Phan Thị Minh Châu     | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 8  | Hồ Thị Quỳnh Chi       | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 9  | Nguyễn Trần Quế Chi    | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 10 | Vũ Khánh Chi           | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 11 | Bùi Ngọc Diệp          | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 12 | Phạm Bảo Duy           | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 13 | Nguyễn Thị Thùy Dương  | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 14 | Đào Xuân Đại           | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 15 | Trần Thị Hoàng Đan     | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 16 | Đỗ Thị Ngọc Hà         | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 17 | Đỗ Thị Thu Hà          | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 18 | Trần Quang Hải         | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 19 | Phạm Thu Hiền          | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 20 | Đỗ Duy Khánh           | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 21 | Phạm Trung Kiên        | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 22 | Nguyễn Tuấn Kiệt       | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 23 | Đào Tuấn Lâm           | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 24 | Nguyễn Thị Phương Linh | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 25 | Nguyễn Thị Trúc Linh   | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 26 | Vũ Gia Linh            | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 27 | Vũ Ngọc Mai            | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 28 | Đỗ Nhật Minh           | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 29 | Đỗ Văn Minh            | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 30 | Nguyễn Hoàng Minh      | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 31 | Nguyễn Tiến Minh       | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 32 | Ninh Ngọc Minh         | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 33 | Văn Thị Thu Ngân       | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 34 | Ninh Thị Minh Ngọc     | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 35 | Đỗ Hà Phương           | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 36 | Trịnh Hà Phương        | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 37 | Đỗ Vinh Quang          | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |
| 38 | Phạm Minh Quân         | THCS Quốc Tuấn | 62.000     | 4                       | 248.000                                                              |                                         | 248.000                                           |             |





|    |                      |                |        |   |         |         |         |  |
|----|----------------------|----------------|--------|---|---------|---------|---------|--|
| 39 | Nguyễn Thị Quỳnh     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 40 | Ninh Thị Huyền Trang | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 41 | Phạm Quỳnh Trang     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 42 | Đỗ Tường Vy          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 43 | Đỗ Phạm Quốc Anh     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 44 | Anh                  | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 45 | Phạm Nhật Hà Anh     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 46 | Nguyễn Thành Công    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 47 | Nguyễn Văn Dũng      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 48 | Vũ Trung Dũng        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 49 | Phạm Minh Đức        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 50 | Nguyễn Trường Giang  | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 51 | Ninh Diệu Hân        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 52 | Đỗ Trung Hiếu        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 53 | Văn Đức Hiếu         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 54 | Văn Sĩ Hoàng         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 55 | Đoàn Phi Hùng        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 56 | Phạm Văn Huy         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 57 | Nguyễn Lương Khiêm   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 58 | Vũ Cẩm Linh          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 59 | Vũ Thị Hà Linh       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 60 | Đặng Hải Long        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 61 | Ninh Trần Hải Long   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 62 | Đỗ Thị Xuân Lương    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 63 | Nguyễn Hải Nam       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 64 | Vũ Thiện Nhân        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 65 | Phạm Tiến Nhật       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 66 | Đỗ Thị Yến Nhi       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 67 | Phạm Đại Phát        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 68 | Nguyễn Đức Phú       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 69 | Đỗ Minh Quân         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 70 | Nguyễn Minh Quân     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 71 | Vũ Thanh Tâm         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 72 | Nguyễn Như Thảo      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 73 | Vũ Ngọc Thắng        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 | 0       |  |
| 74 | Đỗ Đức Thịnh         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 75 | Đỗ Diệu Thu          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 76 | Nguyễn Thị Thương    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 77 | Phạm Bảo Tiến        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 78 | Đỗ Thị Thùy Trang    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 79 | Vũ Bảo Trang         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 80 | Vũ Thị Thùy Trang    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 81 | Phạm Quang Trung     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 82 | Tạ Thanh Tùng        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 83 | Phạm Quốc Việt       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 84 | Vũ Đức Quang Vinh    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 85 | Vũ Bảo Yến           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 86 | Lê Thị Diệu Anh      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 87 | Vũ Xuân Anh          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |



|     |                       |                |        |   |         |         |         |  |
|-----|-----------------------|----------------|--------|---|---------|---------|---------|--|
| 88  | Đinh Gia Bảo          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 89  | Nguyễn Gia Bảo        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 90  | Phạm Hoàng Gia Bảo    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 91  | Đỗ Thanh Bình         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 92  | Ninh Thị Chi          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 93  | Vũ Đức Dương          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 94  | Zhou Việt Dương       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 95  | Phạm Thành Đạt        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 96  | Vũ Thị Nhã Đình       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 97  | Nguyễn Trung Đức      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 98  | Đỗ Thị Ngọc Hà        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 99  | Phạm Quỳnh Hoa        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 100 | Trần Việt Hoàn        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 101 | Vũ Lâm Hoàng          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 102 | Đỗ Đăng Khôi          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 103 | Nguyễn Thành Long     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 104 | Vũ Ngọc Bảo Long      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 105 | Phạm Xuân Mai         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 106 | Đỗ Quang Mạnh         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 124.000 | 124.000 |  |
| 107 | Vũ Đình Minh          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 108 | Nguyễn Hà My          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 109 | Nguyễn Kim Ngân       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 110 | Đặng Ánh Ngọc         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 111 | Vũ Hoài Ngọc          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 112 | Đỗ Khôi Nguyên        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 113 | Nguyễn Thị Thanh Nhân | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 114 | Phạm Yên Nhi          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 115 | Nguyễn Quỳnh Như      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 116 | Trần Gia Như          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 117 | Nguyễn Thanh Phương   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 118 | Đỗ Đăng Diễm Quỳnh    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 119 | Phạm Như Quỳnh        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 120 | Nguyễn Minh Tâm       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 121 | Đỗ Phương Thảo        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 122 | Trần Việt Thắng       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 123 | Nguyễn Duy Tiến       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 124 | Nguyễn Ngọc Tiến      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 125 | Trần Xuân Trường      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 126 | Nguyễn Thanh Tùng     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 | 0       |  |
| 127 | Vũ Thị Thanh Tuyền    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 128 | Vũ Quốc Việt          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 129 | Đỗ Thành An           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 130 | Đỗ Việt Anh           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 131 | Phạm Nguyễn Việt Anh  | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 132 | Vũ Trâm Anh           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 133 | Quách Thị Ngọc Ánh    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 134 | Đặng Văn Bách         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 135 | Vũ Hoàng Bách         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 136 | Nguyễn Văn Bình       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |



|     |                       |                |        |   |         |  |         |
|-----|-----------------------|----------------|--------|---|---------|--|---------|
| 137 | Đỗ Ngọc Diệp          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 138 | Đỗ Phạm Kỳ Duyên      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 139 | Trần Hà Giang         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 140 | Nguyễn Thị Thanh Hà   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 141 | Vũ Minh Hải           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 142 | Đỗ Thu Hiền           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 143 | Đỗ Minh Hiếu          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 144 | Vũ Minh Hiếu          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 145 | Nguyễn Việt Hoàng     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 146 | Đỗ Duy Khang          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 147 | Trần Phúc Khang       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 148 | Phạm Gia Khiêm        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 149 | Nguyễn Vũ Mai Liên    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 150 | Bùi Đỗ Phương Linh    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 151 | Mai Thuý Linh         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 152 | Bùi Bảo Long          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 153 | Nguyễn Ngọc Long      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 154 | Phạm Duy Long         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 155 | Nguyễn Ngọc Minh      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 156 | Trần Bùi Nhật Minh    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 157 | Phạm Thị Kim Ngân     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 158 | Đỗ Thị Bích Ngọc      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 159 | Ninh Tuệ Nhi          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 160 | Phạm Quang Phú        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 161 | Trần An Phúc          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 162 | Nguyễn Hà Phương      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 163 | Nguyễn Thị Mai Phương | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 164 | Phạm Hà Phương        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 165 | Nguyễn Thị Mai Quỳnh  | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 166 | Đỗ Quý Sơn            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 167 | Vũ Đức Thắng          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 168 | Nghiêm Thị Thanh Thư  | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 169 | Nguyễn Thị Thu Uyên   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 170 | Phạm Tường Uyên       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 171 | Tạ Thị Phương Uyên    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 172 | Đỗ Hoàng Phong Vân    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 173 | Đỗ Vũ Hà An           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 174 | Bùi Lan Anh           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 175 | Phan Quốc Anh         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 176 | Tạ Minh Anh           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 177 | Vũ Đức Anh            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 178 | Trịnh Hải Bằng        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 179 | Vũ Thị Thủy Bình      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 180 | Đỗ Khánh Chung        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 181 | Phạm Văn Chung        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 182 | Hà Hồng Diệp          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 183 | Phạm Việt Doanh       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 184 | Phạm Mạnh Dũng        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |
| 185 | Ninh Đức Dương        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |



|     |                      |                |        |   |         |         |         |  |
|-----|----------------------|----------------|--------|---|---------|---------|---------|--|
| 186 | Tạ Quang Đạt         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 187 | Đỗ Triệu Đình        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 188 | Phạm Duy Đức         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 189 | Ninh Thị Hương Giang | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 190 | Phạm Thanh Hải       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 191 | Nguyễn Minh Hằng     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 192 | Đỗ Tiến Huy          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 193 | Đỗ Thị Mỹ Huyền      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 194 | Vũ Tuấn Hưng         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 | 0       |  |
| 195 | Vũ Thiên Hương       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 196 | Dương Ngọc Khánh     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 197 | Bùi Gia Long         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 198 | Nguyễn Hải Long      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 199 | Phạm Thế Luân        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 200 | Nguyễn Đức Mạnh      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 201 | Tạ Thị Thu Minh      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 202 | Nguyễn Hoàng Nam     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 203 | Nguyễn Hồng Ngọc     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 204 | Nguyễn Hồng Ngọc     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 205 | Phạm Đức Nguyên      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 206 | Vũ Thị Thu Nguyệt    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 207 | Vũ Trọng Nhật        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 208 | Phạm Thị Linh Nhi    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 209 | Đỗ Thị Thùy Nhung    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 210 | Tăng Chí Quang       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 211 | Nguyễn Đức Thuận     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 212 | Đỗ Thị Anh Thư       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 213 | Nguyễn Thị Thu Trang | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 214 | Đỗ Tường Vy          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 215 | Đặng Hà Anh          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 216 | Đỗ Ngọc Ánh          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 217 | Tạ Đức Cảnh          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 218 | Nguyễn Kim Chi       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 219 | Vũ Huy Du            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 220 | Nguyễn Tiến Dũng     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 221 | Hoàng Văn Minh Đức   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 222 | Đỗ Thùy Giang        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 223 | Trần Việt Hà         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 224 | Vũ Ngân Hà           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 225 | Hoàng Việt Hải       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 226 | Tạ Thị Mai Hoa       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 227 | Đỗ Minh Ánh Hồng     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 228 | Nguyễn Thị Diễm Huệ  | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 229 | Phạm Thị Khánh Huyền | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 230 | Văn Thanh Huyền      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 231 | Phạm Duy Khánh       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 232 | Phạm Trung Kiên      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 233 | Phạm Tuấn Kiệt       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 234 | Phạm Tuấn Kiệt       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |



|     |                       |                |        |   |         |         |
|-----|-----------------------|----------------|--------|---|---------|---------|
| 235 | Vũ Hoàng Lân          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 236 | Vũ Khánh Linh         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 237 | Tạ Bình Minh          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 238 | Vũ Bình Minh          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 239 | Lê Thị Xuân My        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 240 | Nguyễn Bảo Nam        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 241 | Nguyễn Bảo Ngọc       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 242 | Vũ Thảo Nguyên        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 243 | Đỗ Bảo Nhi            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 244 | Nghiêm Vân Nhi        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 245 | Phạm Uyên Nhi         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 246 | Văn Yến Nhi           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 247 | Vũ Diệu Nhi           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 248 | Hà Thành Tài          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 249 | Phạm Duy Thái         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 250 | Đỗ Thị Thùy trang     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 251 | Trần Ngọc Anh Thư     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 252 | Phạm Hà Trang         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 253 | Ninh Thái Tuấn        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 254 | Vũ Thanh Tùng         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 255 | Phạm Hồng Anh         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 256 | Nguyễn Gia Bảo        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 257 | Nguyễn Phú Bình       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 258 | Vũ Ngọc Bảo Châu      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 259 | Đỗ Thùy Dương         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 260 | Nguyễn Thị Thu Hà     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 261 | Đào Xuân Hiệp         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 262 | Vũ Trung Hiếu         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 263 | Vũ Xuân Hiếu          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 264 | Đặng Quỳnh Hương      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 265 | Đồng Nam Khánh        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 266 | Phạm Ngọc Khánh       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 267 | Vũ Thế Khương         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 268 | Phạm Ngọc Lan         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 269 | Ninh Tùng Lâm         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 270 | Bùi Thị Khánh Linh    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 271 | Đỗ Lê Thùy Linh       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 272 | Nguyễn Thùy Linh      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 273 | Phạm Thái Thùy Linh   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 274 | Nguyễn Khánh Ly       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 275 | Nguyễn Tiến Nhật Minh | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 276 | Phạm Quang Minh       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 277 | Vũ Hoàng Huyền My     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 278 | Nguyễn Thị Tâm Như    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 279 | Đỗ Thị Kim Oanh       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 280 | Vũ Mai Phương         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 281 | Đỗ Hoàng Quân         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 282 | Ninh Gia Quý          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 283 | Nguyễn Khắc Quyền     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |



|     |                      |                |        |   |         |         |         |  |
|-----|----------------------|----------------|--------|---|---------|---------|---------|--|
| 284 | Nguyễn Xuân Sang     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 285 | Nguyễn Thị Thu Trang | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 286 | Vũ Khang Việt        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 287 | Nguyễn Thành Vinh    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 288 | Phan Uy Vũ           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 289 | Trần Hải Yến         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 290 | Nguyễn Ngọc Ánh      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 291 | Vũ Gia Bảo           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 292 | Hà Việt Cường        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 293 | Trần Thị Ngọc Diệp   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 294 | Phạm Anh Dũng        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 295 | Đỗ Vũ Mạnh Duy       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 296 | Phạm Đức Duy         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 297 | Phạm Thùy Dương      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 298 | Vũ Tùng Dương        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 299 | Vũ Linh Đan          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 300 | Tạ Hoàng Hải         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 301 | Hoàng Thị Thảo Hiền  | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 302 | Nguyễn Công Hoàng    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 303 | Vũ Mạnh Hùng         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 304 | Hà Thị Thu Huyền     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 305 | Ninh Văn Hưng        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 306 | Trần Tuấn Hưng       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 307 | Nguyễn Đăng Khoa     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 308 | Nguyễn Diệu Linh     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 309 | Nguyễn Kim Tự Long   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 310 | Đỗ Bình Minh         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 311 | Tạ Quang Minh        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 312 | Hồ Trung Nghĩa       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 313 | Nguyễn Minh Ngọc     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 314 | Phạm Thị Như Ngọc    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 315 | Nguyễn Công Nguyên   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 316 | Trần Tuyết Nhi       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 317 | Ngô Hồng Nhung       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 318 | Vũ Văn Quyền         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 319 | Vũ Tiến Thành        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 124.000 | 124.000 |  |
| 320 | Nguyễn Bảo Thi       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 321 | Trần Phương Thu      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 322 | Ngô Thanh Tùng       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 323 | Vũ Bạch Vân          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 324 | Văn Đức Vũ           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 325 | Đỗ Ngọc Bảo Yến      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 326 | Ninh Gia Hoàng       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 327 | Đỗ Hải Anh           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 328 | Nguyễn Diệp Anh      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 329 | Trần Trang Anh       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 330 | Vũ Việt Anh          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 331 | Đỗ Văn Bảo           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 332 | Nguyễn Thanh Bình    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |

*Đ*



|     |                        |                |        |   |         |         |
|-----|------------------------|----------------|--------|---|---------|---------|
| 333 | Phạm Thùy Chi          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 334 | Vũ Đức Chính           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 335 | Trần Mạnh Dũng         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 336 | Lê Khánh Duy           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 337 | Đinh Ngọc Dương        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 338 | Nguyễn Thị Thùy Dương  | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 339 | Phạm Đăng Dương        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 340 | Đỗ Tiến Đạt            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 341 | Đỗ Minh Đức            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 342 | Phạm Trung Đức         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 343 | Đặng Hương Giang       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 344 | Phạm Nhật Hào          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 345 | Hoàng Chi Hiệp         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 346 | Nguyễn Quang Huy       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 347 | Đỗ Mai Linh            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 348 | Nguyễn Thị Khánh Linh  | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 349 | Vũ Diệu Linh           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 350 | Phạm Tiến Long         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 351 | Phạm Bình Minh         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 352 | Võ Hằng Nga            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 353 | Đỗ Thị Thanh Nhân      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 354 | Lương Thanh Phúc       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 355 | Nguyễn Tuấn Phương     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 356 | Trần Hồng Quân         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 357 | Nguyễn Hoàng Thái      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 358 | Trần Phương Thảo       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 359 | Vũ Đình Thiên          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 360 | Nguyễn Mai Trang       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 361 | Đặng Lê Tuấn Tú        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 362 | Đỗ Phương Anh          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 363 | Nguyễn Hà Anh          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 364 | Ninh Ngọc Hà Anh       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 365 | Vũ Tuấn Anh            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 366 | Vũ Thành Công          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 367 | Lê Vũ Thành Dũng       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 368 | Phạm Chí Dũng          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 369 | Tạ Việt Dũng           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 370 | Đỗ Tùng Dương          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 371 | Vũ Minh Đức            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 372 | Nguyễn Thị Hương Giang | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 373 | Đỗ Lê Thu Hà           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 374 | Võ Minh Hiếu           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 375 | Vũ Thu Hoài            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 376 | Vũ Duy Lâm             | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 377 | Vũ Thị Hà Linh         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 378 | Nguyễn Hải Nam         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 379 | Đào Bảo Nhi            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 380 | Nguyễn Thị Mai Phương  | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 381 | Tạ Mai Phương          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |

Đỗ Trần  
383 384



|     |                      |                |        |   |         |         |         |  |
|-----|----------------------|----------------|--------|---|---------|---------|---------|--|
| 382 | Đỗ Việt Quang        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 383 | Trần Vinh Quang      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 384 | Vũ Thanh Sang        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 385 | Nguyễn Hoàng Sơn     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 386 | Đỗ Nam Thành         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 387 | Đỗ Thị Thu Thảo      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 388 | Ninh Văn Thế         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 389 | Đỗ Đức Thịnh         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 390 | Đỗ Anh Tuấn          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 391 | Văn Đức Tùng         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 124.000 | 124.000 |  |
| 392 | Nguyễn Thị Cẩm Vân   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 393 | Vũ Quỳnh Vân         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 394 | Văn Đình Vinh        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 395 | Nguyễn Thị Ngọc Yến  | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 396 | Nguyễn Bình An       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 397 | Nguyễn Hoàng Duy Anh | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 398 | Nguyễn Quang Anh     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 399 | Vũ Đức Anh           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 400 | Đỗ Hải Bình          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 401 | Lê Đỗ Quỳnh Chi      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 402 | Nguyễn Quỳnh Chi     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 403 | Văn Thị Tuyết Chi    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 404 | Nguyễn Ngọc Diệp     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 405 | Đỗ Thùy Dung         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 406 | Nguyễn Hùng Dũng     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 407 | Vũ Kiều Duyên        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 408 | Phạm Tùng Dương      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 409 | Nguyễn Trường Giang  | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 410 | Phạm Thị Thái Hà     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 411 | Đỗ Phương Hiền       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 412 | Lê Minh Hoàng        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 413 | Vũ Thái Học          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 414 | Phạm Quốc Hùng       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 415 | Ninh Thị Thu Huyền   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 416 | Vũ Văn Khánh         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 417 | Đỗ Nguyễn Đăng Khoa  | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 418 | Khuong Diệp Lâm      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 419 | Phạm Vũ Thùy Linh    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 420 | Phạm Khánh Ly        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 421 | Bùi Thị Mai          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 422 | Trần Ngọc Mai        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 423 | Nguyễn Phúc Minh     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 424 | Trần Quang Minh      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 425 | Vũ Thùy Minh         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 426 | Đỗ Bảo Ngọc          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 427 | Phạm Minh Nhật       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 428 | Vũ Yến Nhi           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 429 | Đỗ Thị Hà Phương     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 430 | Vũ Minh Phương       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |



|     |                     |                |        |   |         |         |
|-----|---------------------|----------------|--------|---|---------|---------|
| 431 | Vũ Xuân Sơn         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 432 | Vũ Tấn Tài          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 433 | Đỗ Thị Khánh Vân    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 434 | Vũ Thế Vinh         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 435 | Nguyễn Tuấn Anh     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 436 | Phạm Tuấn Anh       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 437 | Phạm Ngọc Ánh       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 438 | Đỗ Quỳnh Chi        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 439 | Vũ Việt Cường       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 440 | Ninh Ngọc Diệp      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 441 | Ninh Tiến Dũng      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 442 | Phạm Đức Duy        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 443 | Vũ Đức Duy          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 444 | Nguyễn Tùng Dương   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 445 | Phạm Thị Thùy Dương | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 446 | Vũ Hương Giang      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 447 | Đặng Vũ Hiệp        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 448 | Nguyễn Việt Hoàng   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 449 | Nguyễn Duy Hùng     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 450 | Đỗ Hoàng Huy        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 451 | Võ Hằng Hương       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 452 | Đỗ Trung Kiên       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 453 | Vũ Đức Lâm          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 454 | Vũ Hà Linh          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 455 | Đỗ Thành Long       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 456 | Đặng Hải Luân       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 457 | Vũ Thị Ly           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 458 | Vũ Quang Minh       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 459 | Trần Thúy Ngân      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 460 | Đỗ Minh Nguyệt      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 461 | Nguyễn Long Nhật    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 462 | Phạm Thùy Nhung     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 463 | Ninh Thị Tuyết Như  | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 464 | Vũ Minh Quân        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 465 | Trịnh Duy Thái      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 466 | Phạm Minh Thu       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 467 | Đỗ Thị Thu Trang    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 468 | Vũ Thị Thùy Trang   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 469 | Đỗ Minh Tuấn        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 470 | Đỗ Thành Vinh       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 471 | Hoàng Thế Vinh      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 472 | Đỗ Hoàng Yến        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 473 | Bùi Bình An         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 474 | Đỗ Quang Anh        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 475 | Nguyễn Tuấn Anh     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 476 | Phạm Quỳnh Anh      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 477 | Phạm Quốc Bảo       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 478 | Vũ Đức Càng         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 479 | Đỗ Công Chiến       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |



|     |                      |                |        |   |         |  |         |  |
|-----|----------------------|----------------|--------|---|---------|--|---------|--|
| 480 | Phan Phú Cường       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 481 | Nguyễn Tiến Dũng     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 482 | Văn Đức Duy          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 483 | Vũ Đình Duy          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 484 | Vũ Hải Dương         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 485 | Phan Minh Đức        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 486 | Nguyễn Hồng Hạnh     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 487 | Văn Thị Bích Hằng    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 488 | Đỗ Thu Hương         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 489 | Vũ Mai Hương         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 490 | Bùi Thùy Linh        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 491 | Vũ Khánh Linh        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 492 | Phan Thị Khánh Ly    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 493 | Nguyễn Văn Minh      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 494 | Vũ Đức Quang Minh    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 495 | Tạ Khánh Nhật        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 496 | Văn Đức Nhật         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 497 | Bùi Yến Nhi          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 498 | Phạm Thị Yến Nhi     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 499 | Vũ Bảo Nhi           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 500 | Vũ Hồng Phúc         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 501 | Vũ Thị Minh Phương   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 502 | Vũ Bảo Quyên         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 503 | Đinh Phương Thảo     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 504 | Đỗ Thu Thảo          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 505 | Phạm Đức Thắng       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 506 | Nguyễn Mai Thu       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 507 | Nguyễn Thu Trang     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 508 | Nguyễn Viết Tường    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 509 | Đỗ Thị Yến Vy        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 510 | Đỗ Tuấn Anh          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 511 | Đỗ Vũ Hà Anh         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 512 | Trần Thị Lan Anh     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 513 | Nguyễn Thùy Chi      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 514 | Văn Đức Duy          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 515 | Vũ Thị Mỹ Duyên      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 516 | Nguyễn Phương Đan    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 517 | Nguyễn Công Đạt      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 518 | Phạm Quốc Đạt        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 519 | Văn Đức Tiến Đạt     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 520 | Văn Đức Định         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 521 | Vũ Thị Ngọc Hà       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 522 | Văn Đức Hiệp         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 523 | Nguyễn Trọng Hiếu    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 524 | Vũ Minh Hiếu         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 525 | Phạm Mạnh Hùng       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 526 | Nguyễn Thị Mai Hương | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 527 | Đỗ Trung Kiên        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |
| 528 | Nguyễn Tùng Lâm      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |  | 248.000 |  |



|     |                       |                |        |   |         |         |         |  |
|-----|-----------------------|----------------|--------|---|---------|---------|---------|--|
| 529 | Nguyễn Thanh Loan     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 530 | Vũ Tiến Lộc           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 531 | Trần Đức Lương        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 532 | Vũ Cẩm Ly             | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 533 | Nguyễn Nhật Minh      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 534 | Nguyễn Hoàng Nam      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 535 | Phạm Bảo Nam          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 536 | Trần Gia Nghĩa        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 537 | Văn Thị Phương Nhật   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 538 | Nguyễn Quỳnh Nhung    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 539 | Trần Thanh Sơn        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 540 | Nguyễn Thị Thảo       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 541 | Vũ Thanh Thảo         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 542 | Phạm Đình Thiệu       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 543 | Tạ Minh Thư           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 544 | Vũ Thùy Trang         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 545 | Đinh Thanh Trúc       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 546 | Trần Mai Trúc         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 547 | Phạm Thành Trung      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 548 | Đỗ Mạnh Tường         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 549 | Phạm Hải An           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 550 | Đặng Thị Vân Anh      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 551 | Nguyễn Thị Quỳnh Anh  | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 552 | Văn Thị Ngọc Ánh      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 553 | Đỗ An Bình            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 554 | Vũ Khánh Chi          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 555 | Hoàng Đỗ Thành Công   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 556 | Văn Đức Cương         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 557 | Đặng Việt Dũng        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 558 | Phạm Tấn Dũng         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 559 | Nguyễn Thị Thùy Dương | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 560 | Tạ Thùy Dương         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 561 | Trần Minh Hiếu        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 562 | Vũ Quang Huy          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 563 | Vũ Ngọc Huyền         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 564 | Vũ Thanh Huyền        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 565 | Vũ Thị Huyền          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 566 | Vũ Thị Khánh Huyền    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 567 | Phan Anh Khoa         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 568 | Vũ Trung Kiên         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 569 | Đỗ Thị Thùy Linh      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 124.000 | 124.000 |  |
| 570 | Nguyễn Thị Thùy Linh  | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 571 | Đỗ Thị Cẩm Ly         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 572 | Phạm Hà Trà My        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 573 | Trần Thị Ánh Ngọc     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 574 | Đỗ Hoài Nhi           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 575 | Phạm Thị Uyển Nhi     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 576 | Đỗ Mai Phương         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 577 | Lê Minh Quân          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |

8 Nguyễn Phan T  
579  
580



|     |                        |                |        |   |         |         |         |  |
|-----|------------------------|----------------|--------|---|---------|---------|---------|--|
| 78  | Nguyễn Bá Hội Quân     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 579 | Phan Trọng Minh Quân   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 | 0       |  |
| 580 | Ngô Nam Thái           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 581 | Đào Phương Thảo        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 582 | Đỗ Quyết Thắng         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 583 | Trần Đức Thắng         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 584 | Vũ Anh Tuấn            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 585 | Phạm Công Vinh         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 586 | Bùi Thị Mai Lan        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 587 | Đỗ Duy An              | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 588 | Đặng Việt Anh          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 589 | Ngô Quốc Anh           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 590 | Phạm Thị Hà Anh        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 591 | Phạm Thái Bảo          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 592 | Nguyễn Bảo Chung       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 593 | Đỗ Thành Danh          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 594 | Vũ Thị Thu Duyên       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 595 | Nguyễn Hải Dương       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 | 0       |  |
| 596 | Nguyễn Đại Dương       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 597 | Vũ Hoàng Dương         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 598 | Vũ Tùng Dương          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 599 | Nguyễn Thị Ngọc Hân    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 600 | Nguyễn Trung Hiếu      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 601 | Phạm Đức Huân          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 602 | Tạ Quang Huy           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 603 | Đỗ Sỹ Kiên             | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 604 | Nguyễn Anh Tùng Lâm    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 605 | Trần Thị Liễu          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 606 | Nguyễn Khánh Linh      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 607 | Đỗ Hiền Lương          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 608 | Vũ Thị Cẩm Ly          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 609 | Nguyễn Quỳnh Nga       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 124.000 | 124.000 |  |
| 610 | Phạm Thị Ngọc          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 611 | Phan Thị Hồng Ngọc     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 612 | Tạ Văn Nhật            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 613 | Vũ Long Nhật           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 614 | Vũ Thị Xuân Nhi        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 615 | Phạm Hồng Nhung        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 616 | Nguyễn Thị Phụng       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 617 | Vũ An Quý              | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 618 | Nguyễn Như Quỳnh       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 619 | Nguyễn Văn Sỹ          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 620 | Nguyễn Tuấn Thành      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 621 | Đỗ Văn Thảo            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 622 | Đỗ Vi Thảo             | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 623 | Nguyễn Thị Phương Thảo | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 624 | Đỗ Văn Thắng           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 625 | Đỗ Thị Hoài Thu        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 626 | Nguyễn Thế Quốc Thư    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |

*Đ*



|     |                       |                |        |   |         |         |
|-----|-----------------------|----------------|--------|---|---------|---------|
| 627 | Đinh Thanh Trà        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 628 | Vũ Thị Huyền Trang    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 629 | Hoàng Minh Trọng      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 630 | Nguyễn Mạnh Tú        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 631 | Đỗ Phạm Đăng Tuyền    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 632 | Phạm Việt Anh         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 633 | Nguyễn Thái Bảo       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 634 | Ninh Gia Bảo          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 635 | Phạm Thanh Bình       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 636 | Ninh Văn Cần          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 637 | Nguyễn Thành Công     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 638 | Văn Đức Hùng Cường    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 639 | Phạm Anh Ngọc Diệp    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 640 | Trần Tiến Dũng        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 641 | Đỗ Thị Duyên          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 642 | Nguyễn Đức Dương      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 643 | Phạm Hà Giang         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 644 | Phạm Hương Giang      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 645 | Nguyễn Đức Hải        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 646 | Vũ Hoàng Hải          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 647 | Trần Thị Minh Hằng    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 648 | Nguyễn Văn Hiệp       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 649 | Đặng Minh Hiếu        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 650 | Vũ Nhân Hòa           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 651 | Nguyễn Đăng Khánh     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 652 | Vũ Trọng Khôi         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 653 | Phạm Thị Dương Liễu   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 654 | Phạm Thùy Linh        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 655 | Phùng Bảo Linh        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 656 | Phạm Huy Long         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 657 | Trần Thị Hương Ly     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 658 | Vũ Tiến Mạnh          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 659 | Đỗ Đức Minh           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 660 | Ninh Ngọc Minh        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 661 | Đỗ Quỳnh Nga          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 662 | Vũ Đỗ Như Ngọc        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 663 | Mai Trọng Thảo Nguyên | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 664 | Trần Thị Thanh Nhân   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 665 | Bùi Văn Sáng          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 666 | Ninh Hoàng Sơn        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 667 | Đỗ Phương Thảo        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 668 | Thiên                 | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 669 | Phạm Hiếu Thiên       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 670 | Vũ Đức Thịnh          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 671 | Đỗ Quyết Tiến         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 672 | Phạm Hà Trang         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 673 | Đỗ Minh Trí           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 674 | Phạm Xuân Tuyền       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |
| 675 | Nguyễn Tạ Tường Vi    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 |



|     |                       |                |        |   |         |         |         |  |
|-----|-----------------------|----------------|--------|---|---------|---------|---------|--|
| 676 | Nguyễn Tài Anh        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 677 | Nguyễn Việt Anh       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 678 | Phạm Thị Quỳnh Anh    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 679 | Phạm Việt Anh         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 680 | Văn Thị Kim Anh       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 681 | Hoàng Gia Bảo         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 124.000 | 124.000 |  |
| 682 | Trần Mai Chi          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 683 | Nguyễn Thị Ngọc Diệp  | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 684 | Nguyễn Trung Dũng     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 685 | Văn Tiến Dũng         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 | 248.000 | 0       |  |
| 686 | Nguyễn Đăng Dương     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 687 | Nguyễn Thị Thùy Dương | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 688 | Đặng Tiến Đạt         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 689 | Nguyễn Tiến Đạt       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 690 | Đỗ Thị Thu Hà         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 691 | Vũ Thu Hà             | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 692 | Nguyễn Văn Hải        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 693 | Vũ Hoàng Hải          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 694 | Nguyễn Thu Hoài       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 695 | Phạm Thị Thu Huệ      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 696 | Nguyễn Phi Hùng       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 697 | Vũ Quang Huy          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 698 | Mai Khánh Huyền       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 699 | Văn Thị Quỳnh Hương   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 700 | Đỗ Duy Khánh          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 701 | Vũ Thị Mai Liên       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 702 | Phạm Khánh Linh       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 703 | Vũ Văn Long           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 704 | Đỗ Khánh Ngọc         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 705 | Nguyễn Thị Thảo Ngọc  | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 706 | Vũ Thị Ánh Nguyệt     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 707 | Đỗ Thị Minh Phượng    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 708 | Đỗ Phi Bảo Quang      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 709 | Nguyễn Đức Quý        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 710 | Nguyễn Như Quỳnh      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 711 | Phạm Thị Quỳnh        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 712 | Nguyễn Đức Sơn        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 713 | Văn Đức Sơn           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 714 | Vũ Diệu Thảo          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 715 | Nguyễn Đức Thắng      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 716 | Bùi Văn Tùng          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 717 | Nguyễn Gia Vỹ         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 718 | Đỗ Hải Yến            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 719 | Nghiêm Phương Anh     | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 720 | Nguyễn Thị Lan Anh    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 721 | Phạm Tuấn Anh         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 722 | Trần Phương Anh       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 723 | Nguyễn Thị Ngọc Ánh   | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |
| 724 | Trần Thị Dịu Ánh      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000 |         | 248.000 |  |



|      |                        |                |        |   |             |           |             |  |
|------|------------------------|----------------|--------|---|-------------|-----------|-------------|--|
| 725  | Vũ Ngọc Ánh            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 726  | Vũ Thiên Bảo           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 727  | Đỗ Đức Cảnh            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 728  | Ninh Thị Mai Chi       | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 729  | Vũ Văn Dương           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 730  | Đoàn Hà Diệp           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 731  | Ninh Sơn Hà            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 732  | Vũ Trường Hải          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 733  | Đặng Phương Hoa        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 734  | Phạm Tuấn Huy          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 735  | Hà Duy Khánh           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 736  | Đỗ Trung Kiên          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 737  | Đỗ Khánh Linh          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 738  | Trịnh Duy Long         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 739  | Nguyễn Bảo Lộc         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 740  | Vũ Nhất Ly             | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 741  | Vũ Thanh Mai           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 742  | Đỗ Tùng Mạnh           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 743  | Đỗ Vũ Duy Mạnh         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 744  | Phạm Vũ Hải Nam        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 745  | Nguyễn Trung Nguyên    | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     | 248.000   | 0           |  |
| 746  | Nguyễn Thị Minh Nguyệt | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 747  | Lê Thị Yến Nhi         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 748  | Vũ Ngọc Nhi            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 749  | Nguyễn Hồng Nhung      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 750  | Đỗ Bảo Quang           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 751  | Đào Duy Quân           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 752  | Đỗ Ngọc Sơn            | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 753  | Phạm Duy Thái          | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 754  | Nguyễn Mùa Thu         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 755  | Vũ Thị Thu Thủy        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 756  | Nguyễn Anh Thư         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 757  | Ninh Quốc Toàn         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 758  | Đỗ Thị Thùy Trang      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 759  | Phạm Tuấn Tú           | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 760  | Nguyễn Thảo Vân        | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 761  | Dương Thị Bảo Yến      | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     |           | 248.000     |  |
| 762  | Vũ Huyền Trang         | THCS Quốc Tuấn | 62.000 | 4 | 248.000     | 248.000   | 0           |  |
| Tổng |                        |                |        |   | 188.976.000 | 2.728.000 | 186.248.000 |  |